

## Factors influencing rice farming households' income in Chau Thanh district, Tra Vinh province

Le Truc Linh, Phan Chi Hieu, Le Thi Nghia, Huynh Nga,  
Phan Quoc Nam, Dang Hoa Thai, Luu Thi Thuy Hai

### Abstract

Farmers' rice production in Tra Vinh in particular and in other provinces in general in the Mekong Delta has been facing difficulties and challenges because of reducing farmers' income. Therefore, this study was conducted to identify factors influencing the total income of rice farms in Chau Thanh district, Tra Vinh province. The research data were collected by interviewing the farmers using structured questionnaires and analyzed by applying the multivariate regression method. The results of statistical analysis showed that when increasing 1% rice cultivated area, the household income could be improved by about 0.43%. Participating in non-agricultural activities and social organizations could also help the farmers enhancing their income by 49% and 23%, respectively. Hence, in order to improve the income, the rice farmers should actively participate in non-agricultural activities, and explore the positive effects of joining social organizations in their communities.

**Keywords:** Tra Vinh, income, non-agricultural income, rice, farmer

Ngày nhận bài: 10/3/2020

Ngày phản biện: 19/3/2020

Người phản biện: TS. Đoàn Mạnh Tường

Ngày duyệt đăng: 23/3/2020

## TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

Khuông Mạnh Hà<sup>1</sup>, Nguyễn Hữu Hào<sup>2</sup>, Nguyễn Văn Hoan<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) thị xã Đông Triều đến năm 2020 tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng là 2.453,79 ha, trong đó chủ yếu chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp là 87,15 ha. Diện tích đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng là 435,66 ha. Việc thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2020 đã tác động đến các mặt kinh tế, xã hội và môi trường của thị xã Đông Triều. Bên cạnh đó, phương án điều chỉnh QHSDĐ đã giúp chính quyền địa phương sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên đất đai, tạo nguồn lực cho định hướng quy hoạch theo đúng chiến lược kinh tế xã hội của Thị xã đề ra. Từ việc đánh giá tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ thị xã Đông Triều đến năm 2020 nghiên cứu đã đề xuất một số nhóm giải pháp: Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch; Giải pháp về chính sách đất đai; Giải pháp về nguồn lực; Giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với quá trình phát triển của thị xã Đông Triều trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kinh tế - xã hội, phương án, quy hoạch sử dụng đất, thị xã Đông Triều

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy hoạch sử dụng đất (Land Use Planning) là một hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của Nhà nước về tổ chức sử dụng đất đai đầy đủ và hợp lý có hiệu quả cao thông qua việc phân phối và tái phân phối quỹ đất của quốc gia, tổ chức sử dụng đất như một tư liệu sản xuất cùng với các tư liệu sản xuất khác gắn liền với đất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, tạo điều kiện bảo vệ đất và bảo vệ môi trường (Đoàn Công Quý, 2006).

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để phân bổ quỹ đất cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), giữ vững an ninh quốc phòng, tránh được sự chông chéo, gây lãng phí trong sử dụng, hạn chế sự huỷ hoại đất đai, phá vỡ môi trường sinh thái. Vì vậy, việc đánh giá chính xác, khách quan các tác động tích cực, tiêu cực của phương án QHSDĐ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường nhằm để ra các giải pháp

<sup>1</sup> Đại học Nông Lâm Bắc Giang; <sup>2</sup> Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

nâng cao hiệu quả công tác QHSDĐ có ý nghĩa thiết thực đối với địa phương (Lê Phương Ngân, 2018).

Thị xã Đông Triều là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, gồm có 21 đơn vị hành chính với tổng diện tích tự nhiên là 39.658,35 ha. Để đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng đất đai phục vụ mục tiêu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh trên địa bàn thị xã Đông Triều giai đoạn 2016 - 2020 và cụ thể hóa các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của thị xã; làm cơ sở để thực hiện việc bồi thường, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các dự án đầu tư, phát triển KTXH đúng tiến độ, Thị xã đã tiến hành lập điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2020 góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KTXH đã đề ra.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loại đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã Đông Triều; tình hình biến động các loại đất và tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ đến đời sống kinh tế - xã hội - môi trường của địa bàn nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1 Phương pháp điều tra số liệu

##### a) Điều tra số liệu thứ cấp

Thu thập các số liệu, tài liệu có liên quan đến điều kiện tự nhiên, KTXH, hiện trạng sử dụng đất và các tài liệu, số liệu khác có liên quan đến tình hình thực hiện QHSDĐ của thị xã Đông Triều tại các cơ quan, đơn vị: Chi cục Thống kê, Phòng Quản lý đô thị, Trung tâm phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất.

##### b) Điều tra số liệu sơ cấp

- Xác định dung lượng mẫu điều tra: Chọn ngẫu nhiên 100 hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, đất ở, đất sản xuất kinh doanh... cho các dự án của thị xã Đông Triều để điều tra, phỏng vấn tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng đến người dân.

+ Trực tiếp hoặc gián tiếp chịu tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ.

+ Tác động của quá trình đô thị hoá đến sinh kế, lao động, thu nhập của người dân khi bị thu hồi đất để phục vụ các dự án quy hoạch.

+ Tìm hiểu ý kiến của nông hộ sau khi thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ.

- Phỏng vấn 20 cán bộ có liên quan đến công tác QHSDĐ gồm: cán bộ Phòng Tài nguyên & Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm phát triển quỹ đất và địa chính xã, phường. Nội dung điều tra về tình hình thực hiện công tác QHSDĐ và tác động của các dự án quy hoạch đến phát triển KT - XH của thị xã Đông Triều.

#### 2.2.2. Phương pháp xử lý, tổng hợp số liệu

Sử dụng phần mềm Excel để xử lý kết quả và tổng hợp số liệu điều tra thành bảng biểu làm căn cứ đưa ra các nhận định, kết luận về vấn đề nghiên cứu.

#### 2.2.3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ

- So sánh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dân số, lao động, việc làm dưới tác động của việc thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ.

- So sánh sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ cấu cây trồng dưới tác động của việc thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ.

- So sánh sự thay đổi ngành nghề của hộ gia đình trước và sau khi thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ.

- So sánh sự thay đổi về thu nhập của hộ nông dân, lao động việc làm trước và sau khi thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ.

- So sánh chất lượng cơ sở hạ tầng trước và sau khi thực hiện dự án quy hoạch.

- So sánh mức độ tiếp cận cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội trước sau khi thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ.

### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của thị xã Đông Triều

Thị xã Đông Triều là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, gồm có 21 đơn vị hành chính với tổng diện tích tự nhiên là 39.658,35 ha với 21 đơn vị hành chính (gồm 6 phường và 15 xã). Xã có diện tích tự nhiên lớn nhất là xã An Sinh với diện tích là 8.306,43 ha, phường Đông Triều có diện tích nhỏ nhất với diện tích là 76,22ha. Trong đó nhóm đất nông nghiệp: 30.968,91 ha, chiếm 78,09 % diện tích tự nhiên; nhóm đất phi nông nghiệp: 7.458,92 ha, chiếm 18,81 % diện tích tự nhiên; nhóm đất chưa sử dụng: 1.230,53 ha.

Kinh tế thị xã Đông Triều phát triển ổn định và có mức tăng trưởng khá. Thị xã đã tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 16.734 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 14,7%, vượt 0,2% so với dự kiến.

### 3.2. Phương án điều chỉnh QHSDD thị xã Đông Triều

Bảng 1 cho thấy các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 phần lớn bằng hoặc vượt chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Các chỉ tiêu vượt so với chỉ tiêu phân bổ gồm các

chỉ tiêu như: đất trồng lúa vượt 242,21 ha, đất trồng cây lâu năm vượt 266,77 ha, đất thương mại dịch vụ vượt 70,40 ha, đất cho hoạt động khoáng sản vượt 195,17 ha, đất phát triển hạ tầng vượt 259,69 ha, đất ở tại đô thị vượt 39,63 ha. Điều này cho thấy nhu cầu phát triển ngành thương mại dịch vụ, ngành công nghiệp khai khoáng và phát triển hạ tầng đô thị của thị xã Đông Triều là rất cao. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp nhất là đất trồng lúa vẫn được bảo vệ một cách chặt chẽ để đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực.

**Bảng 1.** Diện tích, cơ cấu các loại đất chính đến năm 2020 của thị xã Đông Triều

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất             | Hiện trạng 2016 |            | Quy hoạch đến năm 2020 |                                  |                |            |
|-----|----------------------------------|-----------------|------------|------------------------|----------------------------------|----------------|------------|
|     |                                  | Diện tích (ha)  | Cơ cấu (%) | Cấp tỉnh phân bổ (ha)  | Cấp huyện xác định, bổ sung (ha) | Tổng số        |            |
|     |                                  |                 |            |                        |                                  | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) |
|     | Diện tích đất tự nhiên           | 39.658,35       | 100,00     |                        |                                  | 39.658,35      | 100,00     |
| 1   | Đất nông nghiệp                  | 31.706,21       | 79,95      | 29.274,73              | 359,72                           | 29.634,45      | 74,72      |
| 1.1 | Đất trồng lúa                    | 5.941,12        | 14,98      | 4.895,92               | 242,21                           | 5.138,13       | 12,96      |
|     | Trong đó: Đất chuyên trồng lúa   | 5.262,27        | 13,27      | 4.559,14               | -                                | 4.559,14       | 11,50      |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác      | 352,90          | 0,89       | 268,97                 | 26,83                            | 295,80         | 0,75       |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm            | 5.808,88        | 14,65      | 3.903,90               | 266,77                           | 4.170,67       | 10,52      |
| 1.4 | Đất nuôi trồng thủy sản          | 1.458,08        | 3,68       | 1.534,22               | - 98,11                          | 1.436,11       | 3,62       |
| 2   | Đất phi nông nghiệp              | 7.375,71        | 18,60      | 10.242,85              | - 359,72                         | 9.883,13       | 24,92      |
| 2.1 | Đất khu công nghiệp              | -               | -          | 150,00                 | -                                | 150,00         | 0,38       |
| 2.2 | Đất cụm công nghiệp              | -               | -          | 70,78                  | -                                | 70,78          | 0,18       |
| 2.3 | Đất thương mại dịch vụ           | 85,71           | 0,22       | 218,53                 | 70,40                            | 288,93         | 0,73       |
| 2.4 | Đất cho hoạt động khoáng sản     | 387,70          | 0,98       | 812,91                 | 195,17                           | 1.008,08       | 2,54       |
| 2.5 | Đất phát triển hạ tầng           | 2.161,48        | 5,45       | 2.600,75               | 259,69                           | 2.860,44       | 7,21       |
| 2.6 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | 14,68           | 0,04       | 204,21                 | - 69,77                          | 134,44         | 0,34       |
| 2.7 | Đất bãi thải, xử lý chất thải    | 8,50            | 0,02       | 42,15                  | - 16,96                          | 25,19          | 0,06       |
| 2.8 | Đất ở tại nông thôn              | 770,94          | 1,94       | 912,40                 | -                                | 912,40         | 2,30       |
| 2.9 | Đất ở tại đô thị                 | 545,01          | 1,37       | 592,87                 | 39,63                            | 632,50         | 1,59       |
| 3   | Đất chưa sử dụng                 | 576,43          | 1,45       | 140,77                 | -                                | 140,77         | 0,35       |

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh (2016).

Một số chỉ tiêu sử dụng đất thấp hơn so với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh như: đất nuôi trồng thủy sản thấp hơn 98,11 ha, đất có di tích lịch sử văn hóa thấp hơn 69,77 ha, đất bãi thải, xử lý rác thải thấp hơn 16,96 ha, đất tôn giáo thấp hơn 18,31 ha. Trong kỳ điều chỉnh QHSDD, do nhu cầu sử dụng

đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển KTXH của thị xã nên diện tích đất nông nghiệp chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp theo phương án được phê duyệt trong kỳ quy hoạch là 2.453,79 ha. Diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi trong nội bộ là 87,15 ha.

**Bảng 2.** Diện tích chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch của thị xã Đông Triều

| STT | Chỉ tiêu                                                             | Mã         | Diện tích chuyển mục đích (ha) |
|-----|----------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|
| 1   | Đất nông nghiệp                                                      | NNP/PNN    | 2.453,79                       |
| 1.1 | Đất trồng lúa                                                        | LUA/PNN    | 687,82                         |
|     | Trong đó: Đất chuyên trồng lúa                                       | LUC/PNN    | 631,69                         |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác                                          | HNK/PNN    | 46,69                          |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm                                                | CLN/PNN    | 870,52                         |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ                                                    | RPH/PNN    | 55,71                          |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng                                                    | RDD/PNN    | 0,00                           |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất                                                    | RSX/PNN    | 696,93                         |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản                                              | NTS/PNN    | 96,12                          |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác                                                 | NKH/PNN    | 0,00                           |
| 2   | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp           |            | 87,15                          |
| 2.1 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm                      | LUA/CLN    | 2,25                           |
| 2.2 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng                             | LUA/LNP    | 0,00                           |
| 2.3 | Đất trồng lúa chuyển sang đất NTTS                                   | LUA/NTS    | 55,90                          |
| 2.4 | Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất NTTS                          | HNK/NTS    | 10,00                          |
| 2.5 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là đất rừng | RSX/NKR(a) | 19,00                          |
| 3   | Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở               | PKO/OCT    | 24,62                          |

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh (2016).

**Bảng 3.** Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch

| TT  | Chỉ tiêu                              | Mã  | Diện tích (ha) |
|-----|---------------------------------------|-----|----------------|
|     | Tổng                                  |     | 435,66         |
| 1   | Đất nông nghiệp                       | NNP | 372,72         |
| 1.1 | Đất rừng phòng hộ                     | RPH | 165,85         |
| 1.2 | Đất rừng sản xuất                     | RSX | 205,22         |
| 1.3 | Đất nuôi trồng thủy sản               | NTS | 1,45           |
| 1.4 | Đất nông nghiệp khác                  | NKH | 0,20           |
| 2   | Đất phi nông nghiệp                   | PNN | 62,94          |
| 2.1 | Đất quốc phòng                        | CQP | 13,00          |
| 2.2 | Đất thương mại dịch vụ                | TMD | 1,00           |
| 2.3 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp    | SKC | 0,75           |
| 2.4 | Đất cho hoạt động khoáng sản          | SKS | 33,93          |
| 2.5 | Đất phát triển hạ tầng                | DHT | 0,20           |
| 2.6 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa      | DDT | 3,76           |
| 2.7 | Đất ở tại nông thôn                   | ONT | 0,13           |
| 2.8 | Đất ở tại đô thị                      | ODT | 0,17           |
| 2.9 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng gồm sứ | SKX | 10,00          |

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh (2016, 2019).

Diện tích đất chưa sử dụng theo phương án điều chỉnh đến năm 2020 đưa vào sử dụng là 435,66 ha, chủ yếu là vào mục đích trồng rừng. Nguyên nhân là do diện tích đất chưa sử dụng còn lại chủ yếu là đất đồi chưa sử dụng nên chỉ phù hợp để trồng rừng. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng với mục đích phi nông nghiệp là 62,94 ha, phần diện tích đất bằng chưa sử dụng còn lại của thị xã Đông Triều không nhiều và phân bố nhỏ lẻ nên khó để đưa vào sử dụng (Bảng 3).

### 3.3. Tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ thị xã Đông Triều

#### 3.3.1. Tác động kinh tế

- Cơ cấu các ngành kinh tế: Phương án điều chỉnh QHSDĐ đã chuyển 2.071,76 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp. Thực tế cho thấy, việc tăng diện tích đất phi nông nghiệp do chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã tác động phần nào đến việc tăng giá trị sản xuất các ngành, tạo điều kiện cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kết quả nền kinh tế của Thị xã đã tăng trưởng rõ rệt, bình quân hàng năm từ 2016 - 2018 đạt 14,5%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người ước đạt

4.100 USD/người/năm (trong đó: thu nhập khu vực đô thị ước đạt 5.500 USD/người/năm; thu nhập khu vực nông thôn ước đạt 2.700 USD/người/năm).

**Bảng 4.** Cơ cấu các ngành kinh tế giai đoạn 2016 - 2018

| Năm  | Công nghiệp (%) | Thương mại - dịch vụ (%) | Nông - lâm - ngư nghiệp (%) |
|------|-----------------|--------------------------|-----------------------------|
| 2016 | 62,80           | 27,30                    | 9,90                        |
| 2017 | 62,90           | 28,20                    | 8,90                        |
| 2018 | 62,30           | 29,70                    | 8,00                        |

Nguồn: UBND thị xã Đông Triều (2016, 2017, 2018).

- Thu nhập bình quân: Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại - dịch vụ đồng nghĩa với việc lao động từ ngành nông nghiệp sẽ giảm dần và chuyển dần sang các ngành kinh tế khác. Việc chuyển đổi này đã góp phần cải thiện thu nhập của người lao động tăng lên từ 3000 USD trên người năm vào 2016 lên 4.100 USD trên người vào năm 2018, đời sống kinh tế của các hộ gia đình vì vậy cũng ổn định hơn (UBND thị xã Đông Triều 2016, 2017, 2018).

- Giá trị sản xuất các ngành: Phương án điều chỉnh QHSĐĐ đến năm 2020 cũng tác động tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế thị xã Đông Triều, biểu hiện là giá trị sản xuất của các ngành sản xuất có sự biến động rõ rệt. Ngành nông nghiệp tuy bị giảm tỷ trọng do phải chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp và dịch vụ, mở rộng đất dân cư nhưng với việc áp dụng những mô hình sản xuất tiên tiến (VietGAP), hiện đại vào sản xuất, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng vật nuôi, chủ động xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm chủ lực nên hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đã tăng lên đáng kể.

**Bảng 5.** Giá trị sản xuất của các ngành kinh tế các năm 2016 - 2018

*ĐVT: tỷ đồng*

| Năm                 | 2016      | 2017      | 2018      |
|---------------------|-----------|-----------|-----------|
| Giá trị sản xuất    | 12.592,90 | 14.587,00 | 16.734,00 |
| Nông nghiệp         | 1.244,50  | 1.289,00  | 1.342,00  |
| Công nghiệp         | 7.915,00  | 9.180,00  | 10.416,80 |
| Thương mại, dịch vụ | 3.433,40  | 4.118,00  | 4.975,00  |

Nguồn: UBND thị xã Đông Triều (2016, 2017, 2018).

- Diện tích, sản lượng cây trồng chính: Tuy tăng trưởng kinh tế là mục tiêu chính nhưng vấn đề an ninh lương thực cũng không thể xem nhẹ bởi khi

diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp quá lớn dễ dẫn đến thiếu hụt lương thực thực phẩm, từ đó sẽ dẫn đến lạm phát, tăng trưởng kinh tế sẽ đi xuống. Trên cơ sở phân bổ diện tích đất lúa đến năm 2020 của tỉnh trên địa bàn thị xã Đông Triều. Phương án điều chỉnh QHSĐĐ đảm bảo giữ được diện tích đất lúa của Thị xã đến năm 2020 là 5.138,15 ha (trong đó diện tích chuyên trồng lúa nước là 4.559,14 ha, bằng chỉ tiêu phân bổ của tỉnh).

**Bảng 6.** Diện tích, sản lượng một số cây lương thực chính tại Đông Triều

| Năm  | Diện tích gieo trồng (ha) |        | Sản lượng (tấn) |        |
|------|---------------------------|--------|-----------------|--------|
|      | Lúa                       | Ngô    | Lúa             | Ngô    |
| 2016 | 8354,10                   | 158,44 | 52919,20        | 615,10 |
| 2017 | 8985,90                   | 150,77 | 51904,70        | 585,00 |
| 2018 | 8903,73                   | 199,25 | 51652,60        | 773,10 |

Nguồn: UBND thị xã Đông Triều (2016, 2017, 2018).

- Thu chi ngân sách: Thông qua phương án điều chỉnh QHSĐĐ, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển KT - XH của địa phương. Phương án quy hoạch đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị, tạo nguồn thu từ việc giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đây là nguồn thu quan trọng góp phần làm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vì dự kiến 70% kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực thu hồi đất, chi trả tiền đền bù thu hồi đất, đầu tư phát triển KT - XH và tăng cường công tác quản lý đất đai.

**Bảng 7.** Thu, chi ngân sách nhà nước của thị xã Đông Triều qua các năm

| Năm  | Thu (tỷ đồng) | Chi (tỷ đồng) |
|------|---------------|---------------|
| 2016 | 1037,60       | 982,00        |
| 2017 | 2349,00       | 1013,50       |
| 2018 | 2289,00       | 1096,20       |

Nguồn: UBND thị xã Đông Triều (2016, 2017, 2018).

### 3.3.2. Tác động xã hội

- Về cơ sở hạ tầng: Phương án điều chỉnh QHSĐĐ đến năm 2020 có nhiều tác động tích cực đến đời sống, xã hội của đại bộ phận người dân sinh sống trên địa bàn thị xã Đông Triều. Việc bố trí quỹ đất hợp lý đã đáp ứng được nhu cầu đất ở, đất sản xuất, đất sinh hoạt, đất vui chơi giải trí của người dân khi dân số ngày càng tăng.

**Bảng 8.** Chất lượng cơ sở hạ tầng trước và sau khi thực hiện dự án quy hoạch

| STT                               | Hạng mục                          | Trước khi thực hiện dự án quy hoạch (%) |      |      |      | Sau khi thực hiện dự án quy hoạch (%) |      |      |     |
|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|------|------|------|---------------------------------------|------|------|-----|
|                                   |                                   | Tổng                                    | Tốt  | TB   | Kém  | Tổng                                  | Tốt  | TB   | Kém |
| 1                                 | Giao thông                        | 100,0                                   | 38,0 | 57,0 | 5,0  | 100,0                                 | 71,0 | 29,0 | -   |
| 2                                 | Thủy lợi                          | 100,0                                   | 40,0 | 50,0 | 10,0 | 100,0                                 | 54,0 | 46,0 | -   |
| 3                                 | Y tế                              | 100,0                                   | 43,0 | 57,0 | -    | 100,0                                 | 56,0 | 44,0 | -   |
| 4                                 | Văn hóa (công viên, cây xanh,...) | 100,0                                   | 30,0 | 64,0 | 6,0  | 100,0                                 | 62,0 | 38,0 | -   |
| 5                                 | Giáo dục                          | 100,0                                   | 62,0 | 38,0 | -    | 100,0                                 | 68,0 | 32,0 | -   |
| 6                                 | Thể dục, thể thao                 | 100,0                                   | 35,0 | 65,0 | -    | 100,0                                 | 60,0 | 40,0 | -   |
| 7                                 | Chợ, cửa hàng, siêu thị           | 100,0                                   | 46,0 | 54,0 | -    | 100,0                                 | 64,0 | 36,0 | -   |
| 8                                 | Cấp điện                          | 100,0                                   | 56,0 | 44,0 | -    | 100,0                                 | 62,0 | 38,0 | -   |
| 9                                 | Cấp thoát nước                    | 100,0                                   | 43,0 | 57,0 | -    | 100,0                                 | 65,0 | 35,0 | -   |
| Tổng số phiếu điều tra: 100 phiếu |                                   |                                         |      |      |      |                                       |      |      |     |

Nguồn: Tổng hợp theo phiếu điều tra.

- Về quá trình đô thị hóa: Phương án điều chỉnh QHSĐĐ gắn phát triển đô thị đi đôi với việc cấu trúc lại hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có, các khu đô thị mới được xây dựng, mở rộng và nâng cấp không những cải thiện điều kiện sống cho cư dân đô thị, mà còn tạo thêm nhiều phúc lợi công cộng (y tế, giáo dục, văn hóa, khoa học công nghệ, thông tin liên lạc...) đáp ứng nhu cầu của nhân dân nói chung. Mặt khác cũng từng bước xây dựng nếp sống văn minh công nghiệp và đô thị, khắc phục những hạn chế của phong tục tập quán lạc hậu. Cụ thể, kết quả phương án điều chỉnh QHSĐĐ trên địa bàn thị xã Đông Triều đã thực hiện 2 dự án đất vui chơi công cộng với diện tích 0,76 ha; 4 dự án chợ với diện tích 2,01 ha; 5 dự án đất y tế, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng với diện tích 2,50 ha; 23 dự án đất giáo dục với diện tích 13,33 ha; 5 dự án đất thể thao với diện tích 114,18 ha; 38 dự án giao thông với tổng diện tích 164,30 ha; 96 dự án đất ở đô thị với tổng diện tích 363,40 ha. Một số dự án, công trình trọng điểm triển khai trong giai đoạn này như: trung tâm thể thao Khe Chè 100,0 ha; khu đô thị Đức Dương 60,0 ha; khu đô thị Đức Chính, Hồng Phong 59,7 ha; quy hoạch đường giao thông trung tâm thị xã 32,2 ha; đường hành hương nối chùa Hồ Thiên với chùa Ngọa Vân 40,03 ha. Phần lớn diện tích các dự án này được thực hiện từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang.

- Về bảo tồn văn hóa, danh lam thắng cảnh và phát triển du lịch: Phương án điều chỉnh QHSĐĐ đến năm 2020 đã dành quỹ đất để tôn tạo, mở rộng

các di tích lịch sử văn hóa với tổng diện tích là 119,76 ha, một số dự án như: tôn tạo, mở rộng di tích lịch sử chùa Ngọa Vân, chùa Hồ Thiên 1,60 ha; khu di tích đền Sinh và các lăng mộ vua Trần 40,55 ha; bảo quản, tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng, xã Yên Thọ 23,56 ha và mở rộng nhiều đình, chùa khác. Việc quan tâm bảo tồn và phát triển các di tích lịch sử ngoài mang ý nghĩa về mặt văn hóa thì còn giúp thị xã phát triển du lịch tâm linh, du lịch làng quê, gia tăng lượng khách du lịch đến với Đông Triều, góp phần phát triển KT - XH của địa phương.

- Việc làm, đời sống, thu nhập của người dân: Sau khi phương án điều chỉnh QHSĐĐ đi vào thực hiện, cơ cấu các nhóm ngành có sự chuyển dịch theo xu thế: tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm dần, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ đồng nghĩa với việc lao động trong ngành nông nghiệp giảm dần chuyển sang làm các ngành nghề khác. Việc thu hồi đất nông nghiệp làm một bộ phận người dân bị mất đất sản xuất, họ chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo nên bước đầu gặp nhiều khó khăn khi chuyển đổi ngành nghề sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của gia đình. Việc chuyển đổi ngành nghề của địa phương diễn ra chậm, thu hút lao động ít, chuyển đổi ngành nghề của bản thân hộ mang tính chất tình thế, thiếu bền vững, phần lớn là chuyển sang buôn bán nhỏ hoặc đi làm thuê các công việc phổ thông không ổn định tại địa phương hoặc các đô thị.

**Bảng 9.** Nghề nghiệp của các lao động trong gia đình trước và sau khi bị thu hồi đất

| STT              | Loại hình lao động (người) | Trước khi bị thu hồi (%) | Sau khi bị thu hồi (%) |
|------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|
| 1                | Lao động nông nghiệp       | 54,94                    | 41,21                  |
| 2                | Lao động thương nghiệp     | 17,31                    | 23,35                  |
| 3                | Lao động công nghiệp, TTCN | 21,43                    | 26,92                  |
| 4                | Lao động đi làm thuê       | 2,75                     | 4,95                   |
| 5                | Lao động là cán bộ, CNVC   | 3,57                     | 3,57                   |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>100,00</b>            | <b>100,00</b>          |

Nguồn: Tổng hợp theo phiếu điều tra.

Số liệu bảng 9 cho thấy, tình hình lao động trên địa bàn Thị xã có sự chuyển dịch khá rõ nét từ lao động nông nghiệp sang lĩnh vực thương nghiệp, công nghiệp, TTCN hoặc đi làm thuê do ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp thực hiện các dự án quy hoạch. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm 17,93% từ 54,94% trước khi thu hồi đất xuống còn 41,21% sau khi thu hồi đất. Lao động ở các lĩnh vực công nghiệp, TTCN, thương nghiệp tăng 11,53%, lao động làm thuê tăng 2,20%.

**Bảng 10.** Biến động thu nhập của hộ nông dân bị thu hồi đất

| STT              | Nguồn thu nhập                         | Trước khi thu hồi (%) | Sau khi thu hồi (%) |
|------------------|----------------------------------------|-----------------------|---------------------|
| 1                | Nguồn thu từ nông nghiệp               | 37,24                 | 28,51               |
| 2                | Nguồn thu từ các ngành phi nông nghiệp | 45,16                 | 48,72               |
| 3                | Nguồn thu khác                         | 17,60                 | 22,77               |
| <b>Tổng cộng</b> |                                        | <b>100,00</b>         | <b>100,00</b>       |

Nguồn: Tổng hợp theo phiếu điều tra.

Qua bảng 10 cho thấy, trước và sau khi thu hồi đất cơ cấu nguồn thu nhập của các hộ gia đình có sự thay đổi. Nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp giảm 8,73%, trong khi nguồn thu từ nhóm ngành phi nông nghiệp tăng 3,56% và nguồn thu khác tăng 5,17%.

**Bảng 11.** Tình hình lao động, việc làm các năm 2016 - 2018

| Tiêu chí                                     | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|----------------------------------------------|----------|----------|----------|
| Số lao động được giải quyết việc làm (người) | 2550     | 2600     | 2500     |
| Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)               | 68,00    | 70,00    | 76,00    |

Nguồn: UBND thị xã Đông Triều (2016, 2017, 2018).

### 3.3.3. Tác động đến môi trường

Mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn đang có dấu hiệu gia tăng, đặc biệt khi triển khai thực hiện các dự án phát triển công nghiệp. Việc xây dựng các nhà máy, các khu, cụm công nghiệp và hoạt động sản xuất trong đó đã thải ra môi trường nhiều khí thải, khói bụi, các chất thải công nghiệp và nước thải. Hầu hết các chất thải này đều chưa qua xử lý hoặc chưa được xử lý triệt để dẫn đến môi trường bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân khu vực xung quanh và chính những công nhân trực tiếp sản xuất tại đó.

**Bảng 12.** Mức độ ô nhiễm môi trường trước và sau khi thực hiện dự án quy hoạch

| STT              | Mức độ ô nhiễm     | Trước khi thực hiện (%) | Sau khi thực hiện (%) |
|------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1                | Ô nhiễm nặng       | 0,00                    | 0,00                  |
| 2                | Ô nhiễm trung bình | 12,00                   | 29,00                 |
| 3                | Ô nhiễm ít         | 27,00                   | 32,00                 |
| 4                | Chưa ô nhiễm       | 61,00                   | 39,00                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>100,00</b>           | <b>100,00</b>         |

Nguồn: Tổng hợp theo phiếu điều tra.

### 3.4. Tổng hợp ý kiến về tình hình thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ

#### 3.4.1. Ý kiến của người dân

Kết quả tổng hợp phiếu điều tra cho thấy, đa số người dân đã được tiếp cận với thông tin về QHSDĐ. Các nguồn thông tin chủ yếu là thông tin trên cổng thông tin điện tử và được công khai tại Phòng TN&MT, UBND các xã, phường. Điều này cho thấy các thông tin về QHSDĐ đã đảm bảo sự công khai, minh bạch. Phần lớn các hộ dân cho rằng việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch được tiến hành đúng quy trình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thu hồi đất để thực hiện phương án quy hoạch đã tác động không nhỏ đến đời sống, việc làm và thu nhập của hộ gia đình (do phần lớn các hộ bị thu hồi đất là các hộ sản xuất nông nghiệp). 100% hộ dân cho rằng dự án điều chỉnh QHSDĐ có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội và môi trường với mức độ ít hoặc nhiều.

#### 3.4.2. Ý kiến của cán bộ

100% cán bộ đều cho rằng công tác lập điều chỉnh QHSDĐ đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các thông tin về quy hoạch đã được công khai, minh bạch đến người dân và các tổ chức,

doanh nghiệp. Về cơ bản công tác công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo đúng phương án điều chỉnh quy hoạch.

Quá trình triển khai các dự án quy hoạch: 45% cán bộ cho rằng có gặp khó khăn trong quá trình triển khai. Nguyên nhân được đưa ra là do vướng mắc về thủ tục hành chính, vướng mắc về chủ đầu tư hoặc nguồn vốn và một phần do người dân không hợp tác. 80% cán bộ cho rằng công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện đúng theo phương án quy hoạch. 100% các cán bộ cho rằng cần thiết phải điều chỉnh phương án QHSDĐ do trong quá trình trực tiếp triển khai quy hoạch nhận thấy một số dự án quy hoạch không phù hợp với thực tế phát triển ở địa phương.

### **3.5. Một số hạn chế trong thực hiện phương án điều chỉnh QHSDĐ**

- Phương án điều chỉnh QHSDĐ còn thiếu những dự báo mang tính khả thi, một số chỉ tiêu dự báo mang tính chung chung chưa thực sự sát với định hướng phát triển KT-XH và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực gây khó khăn trong quá trình thực hiện, dẫn đến một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không đạt. Việc bố trí quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực chưa thực sự mang lại hiệu quả tổng hợp về mặt kinh tế, xã hội, môi trường.

- Việc lấy ý kiến người dân vào phương án điều chỉnh QHSDĐ, thực hiện công bố, công khai quy hoạch đã được quan tâm nhưng còn mang tính hình thức dẫn đến một bộ phận người dân không nắm rõ được đầy đủ các nội dung quy hoạch.

- Một số tổ chức, nhất là tổ chức kinh tế; một bộ phận người dân chưa chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, còn tự ý chuyển mục đích sử dụng đất không đăng ký nhu cầu với cơ quan Nhà nước. Chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai chưa đủ mạnh để răn đe đối với các trường hợp vi phạm...

- Công tác lập, phê duyệt phương án điều chỉnh QHSDĐ còn chậm so với quy định. Việc giám sát, quản lý quá trình tổ chức thực hiện còn buông lỏng, có khi chông chéo giữa các ngành với chính quyền địa phương dẫn đến việc sử dụng đất kém hiệu quả, sai mục đích vẫn xảy ra.

### **3.6. Giải pháp nâng cao hiệu quả của phương án điều chỉnh QHSDĐ cho thị xã Đông Triều thời gian tới**

#### **3.6.1. Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch**

Để hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của thị xã Đông Triều, ngoài vấn đề sử dụng hiệu quả quỹ đất nông nghiệp, cần xây dựng kế hoạch sử dụng đất cụ thể, phân bổ hợp lý các nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tránh đầu tư dàn trải ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và cảnh quan đô thị. Nội dung các phương án quy hoạch phải được xây dựng thống nhất và được công bố quy hoạch công khai kỳ đầu và kỳ cuối của phương án điều chỉnh để hộ dân định hướng trong sử dụng đất để người dân ở các xã phường trên địa bàn thị xã Đông Triều chủ động trong sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng chính sách tài chính trong quản lý đất đai, coi đây là nguồn thu thường xuyên của ngân sách. Tập trung khai thác, huy động các nguồn vốn trong đó có nguồn vốn từ đấu giá quỹ đất, đấu thầu các dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

#### **3.6.2. Giải pháp về chính sách đất đai**

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng tập trung đầu tư một số mô hình sản xuất rau an toàn, trồng cây ăn quả gắn với phát triển dịch vụ tạo hướng đi mới trong sản xuất nông nghiệp. Duy trì và phát triển mô hình sản xuất tại các xã, phường của Thị xã Đông Triều. Hoàn thiện một số chính sách về kinh tế như chính sách khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế thu hút nhiều lao động; chính sách đối với các dự án đầu tư thu hút nhiều lao động tại chỗ; chính sách khuyến khích người lao động học tập để thích nghi với thị trường lao động.

Xác định chỉ tiêu khống chế sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Trong trường hợp cần thiết chuyển mục đích, các địa phương phải có kế hoạch bù đắp diện tích đất lúa đã bị mất và phải được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

#### **3.6.3. Giải pháp về nguồn lực**

Đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cao trong quản lý đất đai nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập, thẩm định, quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

#### **3.6.4. Giải pháp bảo vệ môi trường**

Đối với việc xử lý nước thải, chất thải công nghiệp: đối với các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở

sản xuất trong các dự án theo phương án điều chỉnh QHSDĐ cần có biện pháp bắt buộc về xử lý nước thải, chất thải.

Đối với nguồn nước ngầm: cần xây dựng hệ thống cống rãnh thoát nước tốt, xử lý nghiêm những trường hợp đổ chất thải, rác thải ô nhiễm xuống lòng đất. Việc khai thác nguồn nước ngầm cũng phải từng bước đưa vào quản lý và thực hiện theo quy hoạch tránh tình trạng khai thác nước ngầm tràn lan, gây cạn kiệt nguồn nước.

#### IV. KẾT LUẬN

- Phương án điều chỉnh QHSDĐ đến năm 2020 của thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh bám sát quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển KT - XH của thị xã, đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý và sử dụng đất đai. Phương án điều chỉnh QHSDĐ được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đã có những tác động tích cực trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Phương án điều chỉnh QHSDĐ đã thực hiện chuyển 2.453,79 ha đất nông nghiệp sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp, trong đó tập trung chủ yếu cho mục đích phát triển cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, quy hoạch đất ở đô thị và nông thôn. Chuyển 435,66 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng, chủ yếu là trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Phương án điều chỉnh QHSDĐ của thị xã mang đến các tác động tích cực như chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng thu ngân sách, chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, cải

thiện việc làm, tăng thu nhập cho hộ gia đình. Tuy nhiên, quá trình phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khai thác khoáng sản theo phương án điều chỉnh quy hoạch phần nào ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường sinh thái và sức khỏe của người dân.

- Từ việc đánh giá tác động của phương án điều chỉnh QHSDĐ thị xã Đông Triều đến năm 2020, nghiên cứu đã đề xuất một số nhóm giải pháp về: Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch; Giải pháp về chính sách đất đai; Giải pháp về nguồn lực; Giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với quá trình phát triển kinh tế xã hội của thị xã Đông Triều trong thời gian tới.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đoàn Công Quý**, 2006. *Quy hoạch sử dụng đất*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội.
- Lê Phương Ngân**, 2018. *Đánh giá kết quả và những tác động của việc thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình*. Luận văn thạc sĩ. Đại học Tài nguyên & Môi trường Hà Nội.
- UBND thị xã Đông Triều**, 2016, 2017, 2018. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2016, 2017, 2018.
- UBND tỉnh Quảng Ninh**, 2016. Quyết định số 2333/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- UBND thị xã Đông Triều**, 2019. Báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

### Impact of implementing the land use planning project to 2020 in Dong Trieu town, Quang Ninh province

Khuong Manh Ha, Nguyen Huu Hao, Nguyen Van Hoan

#### Abstract

The results of the study showed that the total area of changing purpose of agricultural land use was 2,453.79 ha, which was mainly transferred to non-agricultural purposes, and changing purpose within agricultural land was 87.15 ha in the adjusting project of the land use planning of Dong Trieu town to 2020. 435.66 ha of unused land was put into use. The implementation of land use adjustment effected the socio-economic and environmental aspects of the Dong Trieu town. In addition, the project helped the local authority to use appropriately and effectively the land resources, creating resources for the planning orientation in accordance with the socio-economic strategy of Dong Trieu town. From the evaluation of the adjustment of land use planning in Dong Trieu town to 2020, the study has proposed a number of solutions such as the solutions of organization and implementation of the planning, land policies and resources, and environmental protection in accordance with the development process of Dong Trieu town in the future.

**Keywords:** Dong Trieu town, land use planning, project, socio-economy

Ngày nhận bài: 19/02/2020

Ngày phản biện: 15/3/2020

Người phản biện: PGS. TS. Nguyễn Thanh Trà

Ngày duyệt đăng: 23/3/2020